

Số: 38/2020/QĐST-HNGĐ

Vũ Thu, ngày 13 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-VDS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 10 T, phường B, quận H1, thành phố H.

- Chị **Lê Thanh V**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn T1, xã V1, huyện V, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị V tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện V, tỉnh T vào ngày 05/8/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Anh L và chị V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh L và chị V vẫn thống nhất yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm

trọng và không có khả năng đoàn tụ nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về quan hệ con chung: Anh L và chị V có 02 con chung là Nguyễn Lê An N, sinh ngày 03/01/2017 và Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 30/01/2019. Anh L và chị V thỏa thuận để chị V trực tiếp nuôi cả 02 con chung, và chị V không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị V thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh L và chị V tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự

Xét thấy sự thỏa thuận của anh L và chị V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thanh V thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thanh V thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Lê An N, sinh ngày 03/01/2017 và Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 30/01/2019. Ly hôn chị Lê Thanh V trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Nguyễn Lê An N, sinh ngày 03/01/2017 và Nguyễn Lê Nhật M, sinh ngày 30/01/2019, không yêu cầu anh Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành L có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thanh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thanh V thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thanh V tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự (Chuyển số tiền anh Nguyễn Thành L và chị Lê Thanh V mỗi người đã nộp 150.000 đồng, tại biên lai số 0003780 và biên lai số 0003779 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã V1,
huyện V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng